TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 362/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 08 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 374/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1982; CCCD số: 066082000396 ngày cấp: 25/3/2021. Địa chỉ: Tổ A, phường N, TP Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987; CCCD số: 066187002561, ngày cấp: 19/4/2021. Địa chỉ: Tổ A, phường N, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 28 tháng 11 năm 2025, người yêu cầu là ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh ĐăkLăk (nay là xã K, tỉnh ĐăkLăk) (Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011 quyển số 01/2010, do UBND xã H, huyện K, tỉnh ĐăkLăk cấp ngày 22/6/2011). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng chung sống ngày càng xa cách, mặc dù đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được

nên ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Nhã Bảo H1, sinh ngày: 26/6/2012 và Nguyễn Đình K, sinh ngày: 15/4/2016. Thuận tình ly hôn ông bà thỏa thuận giao con Nguyễn Nhã Bảo H1 cho ông Nguyễn Đình H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Đình K cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về tài nợ chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0005670 ngày 18/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011 quyển số 01/2010, do UBND xã H, huyện K, tỉnh ĐăkLăk (nay là xã K, tỉnh ĐăkLăk) cấp ngày 22/6/2011 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Nhã Bảo H1, sinh ngày: 26/6/2012 và Nguyễn Đình K, sinh ngày: 15/4/2016. Ly hôn, ông bà thống nhất giao con Nguyễn Nhã Bảo H1 cho ông Nguyễn Đình H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Đình K cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0005670 ngày 18/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND xã K, tỉnh ĐăkLăk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thế Tài